

Bản án số: 41/2017/HSPT
Ngày 28/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Quang Huy**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Công Thái**;

Bà **Vi Thị Tuyết Mai**;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Huân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/HSPT ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Triệu Văn Q cùng đồng bọn do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**** Bị cáo kháng cáo:***

1. Triệu Văn Q, sinh ngày 08/8/1988.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 02/12.

Con ông Triệu Phúc T và bà Triệu Thị C.

Vợ Bànn Thị B, có 03 con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 27/10/2016 đến ngày 24/01/2017 thì được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Phúc N, sinh ngày 14/12/1991.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Con ông Hoàng Hữu K và bà Bann Thị N (Đã chết).

Vợ Bànn Thị Ngọc M, có 02 con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 27/10/2016 đến ngày 17/01/2017 thì được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Phúc H, sinh ngày 10/4/1991.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 02/12.

Con ông Hoàng Hữu T và bà Lý Thị N.

Vợ Đặng Thị B, có 01 con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 31/10/2016 đến ngày 24/01/2017 thì được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. Triệu Văn V (Tên gọi khác: S), sinh ngày 04/5/1986.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 0/12.

Con ông Triệu Phúc T và bà Triệu Thị C.

Vợ Lại Thị P, có 02 con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 27/10/2016 đến ngày 24/01/2017 thì được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn Q, Hoàng Phúc N, Hoàng Phúc H, Triệu Văn V:** Bà Hoàng Thu C – Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

*** Bị cáo không kháng cáo:** Lý Hoàng T, sinh năm 1940. Trú tại: Thôn K, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Tòa án không triệu tập).

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Tòa án không triệu tập).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Lý Hoàng T, sinh năm 1991, trú tại: Thôn K, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Tòa án không triệu tập).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 10/2016 (không xác định được ngày cụ thể), Triệu Văn Q, Hoàng Phúc N, Hoàng Phúc H, Triệu Văn V cùng nhau đi vào khu rừng TK thuộc thôn K, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn tìm ong. Trong quá trình tìm ong, Q, H, N, V thấy một cây gỗ muồng to. Khi thấy cây gỗ muồng, Q, H, N, V

tiếp tục đi tìm ong và chia nhau ra mỗi người đi một đường. Triệu Văn Q gặp Lý Văn H (là con trai ông T). Q hỏi khu rừng và cây gỗ muồng của ai thì được biết là khu rừng và cây gỗ muồng của gia đình ông T. Sau khi biết được thông tin, Q kể lại cho N, V, H biết và cùng nhau bàn bạc mua cây gỗ muồng khai thác để lấy ván bung nhà và bán lấy tiền. Vài ngày sau, N và H tìm đến nhà ông Lý Hoàng T hỏi mua cây gỗ muồng nhưng không gặp được ông T. Khoảng hai, ba ngày sau N, H quay lại hỏi mua cây gỗ muồng thì gặp T ở nhà. N, H đặt vấn đề mua cây gỗ thì ông T nói có cây gỗ muồng bán và biết cây gỗ muồng mà N, H hỏi mua nằm ở khu rừng TK nhưng không có thời gian dẫn N, H đi xem cây gỗ nên hẹn hai, ba ngày sau quay lại để T dẫn đi xem trực tiếp tại gốc cây gỗ muồng và sẽ thỏa thuận giá cả. Ba ngày sau, N, H, Q, V mang theo máy cưa xăng của N (mục đích mang theo nếu mua được cây gỗ muồng sẽ sử dụng cắt hạ cây luôn), đến nhà T hỏi mua cây gỗ muồng thì T đồng ý bán. Sau khi ăn cơm trưa xong, T đưa N, H, Q, V đến vị trí cây gỗ muồng và nói cây gỗ muồng có giá 1.200.000 đồng. N, H, V, Q đồng ý và thỏa thuận với T cắt hạ cây gỗ trước, khi nào đến xẻ thì trả tiền cho T sau, T đồng ý. Ngay sau đó, Q là người đầu tiên dùng máy cưa xăng cắt cây gỗ muồng, tiếp đó đến N, V. Trong khi đang cắt cây thì T về trước, cắt khoảng 10 phút thì cây gỗ muồng đổ. Sau đó, N, Q, V, H về nhà và bàn bạc góp tiền mỗi người 300.000 đồng để trả tiền mua gỗ cho T và đưa tiền N cầm. Đến buổi chiều ngày 24/10/2016, Q, N, V, H cùng nhau mang theo tiền, máy cưa xăng của N, 02 con dao tông và các dụng cụ khác quay lại khu rừng TK để khai thác cây gỗ muồng đã cắt hạ trước đó. Khi đến cách cây gỗ muồng khoảng 01km thấy có một lán cũ gần khe suối nên bốn người cùng nhau sửa lại lán để làm chỗ ăn, nghỉ, sửa lán xong thì nấu cơm ăn, ngủ tại lán đến sáng ngày 25/10/2016, cả bốn người cùng đến vị trí cây gỗ muồng cùng nhau khai thác. Q, V, N thay nhau dùng máy cưa xăng cắt cây gỗ muồng thành khúc xẻ ra thành từng tấm ván có kích thước rộng 35cm và 40cm, dày 07cm, dài 02m, còn H không biết sử dụng máy cưa xăng nên hộ bật mực, xếp, bẫy gỗ. Xẻ đến trưa ngày 25/10/2016 thì trời mưa to nên bốn người cùng nhau quay lại lán nghỉ. Đến sáng ngày 26/10/2016, cả bốn người lại đến vị trí cây gỗ muồng, Q, V, N tiếp tục thay nhau dùng máy cưa xăng xẻ gỗ thành từng tấm ván, còn H hộ bật mực, xếp ván. Xẻ đến khoảng 13 giờ chiều thì xích máy cưa bị đứt, không tiếp tục xẻ được, nên N đưa tiền cho V, sau đó N mang xích, lam đi sửa. Q cầm theo thước, dây bật mực đi tìm ong. V ra thôn K, xã Q trả tiền gỗ cho T. Còn H mang máy cưa, dao quay lại lán. Đến 14 giờ 00 phút ngày 26/10/2016, H bị tổ công tác của Trạm Kiểm lâm Q thuộc Hạt kiểm lâm huyện N phát hiện lập biên bản và thu giữ 01 máy cưa xăng, 02 con dao tông tại lán. Sau đó, tổ công tác yêu cầu H đưa đến hiện trường khai thác gỗ. Tại hiện trường phát hiện cây gỗ muồng thuộc nhóm V đã cắt đổ và cắt thành khúc, kiểm tra thì các đối tượng đã xẻ được tổng

số 40 tấm ván, trong đó có 29 tấm có kích thước rộng 40cm, dày 07cm, dài 02m; 11 tấm rộng 35cm, dày 07cm, dài 02m. Tổng khối lượng quy tròn là $3,469m^3$, còn N, Q, V sau đó đã ra đầu thú.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 27/10/2016 cùng có mặt Hoàng Phúc H thể hiện: Hiện trường khám nghiệm tại sườn đồi phía Nam khu vực TK, thôn K, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn tại tọa độ X 0446434; Y 24404677 phát hiện một gốc cây có 04 vết cắt chéo theo 04 hướng, từ ngoài vào trong. Phần mặt bên trong gốc cây có nhiều vết gãy đứt đoạn. Cách mặt cắt đầu tiên của dấu vết số 03, 06 mét về phía Tây phát hiện một khúc gỗ tròn nằm giữa khe. Tại vị trí giữa khe cách mặt cắt cuối của dấu vết số 02 về phía Tây Nam 05 mét 50, cách vị trí điểm đầu của dấu vết số 03 về phía Tây 08 mét phát hiện 40 tấm gỗ xẻ, được đặt xếp gọn gàng. Phía bên dưới phần ngọn của dấu vết số 03, phát hiện 01 cây gỗ bị gãy đổ sát gốc theo hướng Nam sang Bắc (là cây gỗ tạp SP đổ theo, nhóm VI). Tổng khối lượng cây gỗ muông là $18,416m^3$; gỗ đổ theo (loại gỗ SP) là $2,118m^3$, 03 ste củi; diện tích rừng thiệt hại là $450m^2$. Vị trí khám nghiệm hiện trường thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 03, khoảnh 3, tiểu khu 228 là rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Q quản lý.

Ngày 30/10/2016, tại vị trí hiện trường các đối tượng Q, N, V cũng trực tiếp chỉ dẫn và xác định cây gỗ bị cắt đổ chính là cây gỗ muông do các đối tượng mua với T giá 1.200.000 đồng để khai thác.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28 ngày 14/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện N xác định: Tổng $20,534m^3$ gỗ nêu trên giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 37.410.200 đồng, trong đó giá trị của cây gỗ muông là 34.656.800 đồng; giá trị cây gỗ đổ theo là 2.735.400 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận việc mua bán cây muông và khai thác không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Mục đích khai thác gỗ muông là để xẻ thành các tấm ván để sử dụng và bán lấy tiền. T biết rõ cây gỗ muông thuộc khu rừng phòng hộ cấm khai thác và không thuộc quyền quản lý, sở hữu của T, nhưng T vẫn bán cho Q, N, H, V để lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn Q, Hoàng Phúc N, Hoàng Phúc H, Triệu Văn V, Lý Hoàng T phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt Triệu Văn Q 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 24/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt Hoàng Phúc N 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 17/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt Triệu Văn V 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 24/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999. Xử phạt Hoàng Phúc H 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2016 đến ngày 24/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lý Hoàng T 05 (Năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2017, các bị cáo Hoàng Phúc H, Hoàng Phúc N kháng cáo xin được hưởng án treo; các bị cáo Triệu Văn V, Triệu Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Văn Q, Triệu Văn V thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang được hưởng án treo. Các bị cáo Hoàng Phúc H, Hoàng Phúc N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo. Người bào chữa cho các bị cáo đồng quan điểm với Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận:

Trong tháng 10/2016, tại khu rừng TK (rừng phòng hộ) thuộc thôn K, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Các bị cáo Hoàng Phúc N, Hoàng Phúc H, Triệu Văn Q, Triệu Văn V đã có hành vi dùng cưa máy, dao cắt đổ 01 cây gỗ muông khi chưa được cơ quan có thẩm quyền về quản lý rừng cho phép. Tổng khối lượng gỗ quy tròn các bị cáo đã gây thiệt hại là 20,534m³ có giá trị 37.410.200 đồng. Trong đó, cây gỗ muông có khối lượng 18,416m³ có giá trị 34.656.800 đồng, cây gỗ đồ theo (loại gỗ SP) có khối lượng 2,118m³ có giá trị 2.753.400 đồng; 03 ste củi và gây thiệt hại 450m² rừng.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo Khoản 1 Điều 175/BLHS. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra, cho thấy cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo thấy:

Cấp sơ thẩm đã xem xét và cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Các bị cáo N, Q, V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là “Đầu thú” theo Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, HĐXX sơ thẩm cũng đã xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo và tuyên mức hình phạt 04 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ cho việc xin được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo không căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Phúc H, Hoàng Phúc N, Triệu Văn V, Triệu Văn Q. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Phúc H, Hoàng Phúc N, Triệu Văn V, Triệu Văn Q phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt Triệu Văn Q 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 24/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt Hoàng Phúc N 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 17/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt Triệu Văn V 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 24/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999. Xử phạt Hoàng Phúc H 04 (Bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2016 đến ngày 24/01/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Về án phí: Các bị cáo Q, N, V, H mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh;
- VKS huyện N;
- TA huyện N;
- CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo (Theo đ/c);
- Người bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy